

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỐ

QUYỂN 59

Đoạn chín: Thần rừng Lam-tỳ-ni, Thiện hữu nương vào Thiện Tuệ Địa.

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, văn hiển bày có thể biết.

Mục ba- Từ “Bỉ Thần đáp...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có bốn: 1- Hiển bày về nghĩa của pháp; 2- Thiết lập tên gọi của pháp; 3- Trình bày về nghiệp dụng; 4- Phân rõ về căn bản.

Trong mục 1-Hiển bày về nghĩa của pháp, có hai: a-Trường hàng; b- Kệ tụng.

Trong mục a- Trường hàng, có bốn tiết: Một- Nêu lên số lượng ca ngợi thù thắng; Hai- Đưa ra số lượng nêu rõ tên gọi; Ba- Dựa vào tên gọi giải thích về nghĩa; Bốn- Kết luận ca ngợi về lợi ích thù thắng.

Trong tiết một- Nêu lên số lượng ca ngợi thù thắng: Sinh trong nhà Như Lai, tức là chính thức giải đáp câu hỏi ấy.

Tiết hai- Từ “Hà đẳng vi thập...” trở xuống là đưa ra số lượng nêu rõ tên gọi.

Mười tên gọi này nối thông với sáu phần vị: 1- Thập Tín; 2- Thập Trú; 3- Bao gồm Thập Hạnh và Thập Hồi Hương; 4- Địa thứ nhất; 5- Địa thứ hai đến Địa thứ bảy, bởi vì đều là giới hạn của công dụng; 6-7 đều là Địa thứ tám, nhưng 6 tức là Tự phần, 7 tức là Thắng tiến sau khi được khuyến khích; 8- Địa thứ chín; 9- Địa thứ mười; 10- Tức là Đẳng giác tiến vào Như Lai Địa.

Như vậy dựa vào thứ tự trước-sau (Hành bố) thì nhất định phối hợp theo chiều dọc. Nhưng nếu dựa theo trước-sau ngay trong nhau (Viên dung), thì trước-sau dùng thay lẫn nhau, cho nên nói thành tự pháp này là sinh trong nhà Như Lai.

Nếu nhất định phải đầy đủ mười tên gọi thì mới được sinh trong nhà Như Lai, tại sao trong văn ở Địa thứ hai-thứ sáu đều có sinh trong nhà Như Lai, Địa thứ mười lại nói đã được Quán Đảnh từ chư Phật ba đời, cho nên biết rằng phải là chiều dọc dựa theo Chứng đạt từng phần khác nhau.

Nếu nhất định theo chiều dọc, thì trái với câu nói đầy đủ mười tên gọi là sinh trong nhà Như Lai, cho nên biết rằng phải là chiều ngang dựa theo Viên dung mà tu tập quán sát.

Tiết ba- Từ “Thiện nam tử, vân hà danh...” trở xuống là dựa vào tên gọi giải thích về nghĩa:

Trong tên gọi thứ nhất: Tức là Tín phát tâm, phẩm Hiền Thủ nói: Bởi vì luôn luôn mong muốn trang nghiêm quốc độ-cúng dường chư Phật, làm lợi ích yên vui cho các chúng sinh. Vì vậy văn nói là bắt đầu tích tập thiện căn.

Trong tên gọi thứ hai: Bắt đầu trú trong phát tâm, văn có đủ ba tâm, sinh trong nhà Như Lai cũng bắt đầu trú trong nhà sinh ra.

Trong tên gọi thứ ba, có mười câu: 1- Quán sát về Pháp môn hải, nêu lên Thập Hạnh; 2- Hưởng về Nhất thiết trí, nêu lên Thập Hồi Hưởng, bởi vì Hạnh-Nguyên giúp đỡ lẫn nhau cho nên hợp lại làm một. Tám câu còn lại bao gồm Thập Hạnh và Thập Hồi Hưởng.

Trong tên gọi thứ tư: Phù hợp với Lý-đoạn trừ chướng ngại gọi là tâm thanh tịnh sâu xa, tức là tâm địa thanh tịnh bởi vì đã chứng Lý. Kiên cố như Kim cương, bởi vì đã đạt được Đạo lìa xa sinh tử. Rời bỏ các cõi-các nẻo, bởi vì đã phá trừ núi lớn của hai chướng ngại, mà làm nơi nương tựa của chúng sinh.

Trong tên gọi thứ năm: Chứng đạt Như-dấy khởi Hạnh, là ánh sáng bình đẳng. Giới-Nhẫn-Tiến... là thứ tự đến Địa thứ năm. Đạt được Vô ngại về sau tức là Địa thứ bảy, bởi vì Địa thứ bảy đạt được ánh sáng của Vô sinh Nhẫn, mà tiến vào tất cả các pháp chân thật.

Trong tên gọi thứ sáu: Bởi vì đạt được Vô sinh Nhẫn phù hợp với pháp tánh, là sinh trong nhà chư Phật. Nguyên Độ tăng thượng, thiện căn cùng một Thể, phiền não không làm thay đổi..., là pháp thiện thanh tịnh.

Trong tên gọi thứ bảy: Nhờ vào Phật khuyến khích phát khởi, mà có thể lập tức tu tập thực hành, gọi là ánh sáng của Phật lực. Tu tập tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công dụng), cho nên không hề mệt mỏi chán nản...

Trong tên gọi thứ tám: Từ Địa thứ tám tiến vào Địa thứ chín, cho

nên nói là trú trong phần vị Đồng Chân. Quán sát Trí môn thuộc về Nhất thiết trí, tức là đức của Pháp Sư. Đối với ba tánh... đều nhận biết đúng như thật, bởi vì đúng như thật ngay nơi Sự nhận biết Lý. Đối với cảnh có sai biệt tiến vào Định không có sai biệt, bởi vì đúng như thật ngay nơi Lý cùng tận về Sự. Đối với pháp không có sai biệt mà hiện rõ Trí có sai biệt. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Trong tên gọi thứ chín: Dùng trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm, cho nên gọi là Phổ trang nghiêm. Đã đạt được các Tam-muội như Ly Cấu..., cho nên tuy thường sử dụng mà thường ở trong Tam-muội.

Trong tên gọi thứ mười: Dựa theo Tự phần của Địa ấy là Bồ-tát ở Địa này. Dựa theo Thắng tiến của Địa ấy gọi là tiến vào Phật Địa. Đã tiếp nhận chức vị nói là được Quán Đảnh. Trí đầy đủ cảnh giới của Phật nói là nhận biết tất cả, như phẩm Thập Định phân rõ.

Tiết bốn- Từ “Phật tử, nhược Bồ-tát...” trở xuống là kết luận ca ngợi về lợi ích thù thắng, có thể biết.

Trong mục b- Trùng tụng, có mười kệ như thứ tự tụng về mười pháp trước đây.

Trong mục a- Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát cụ thủ...” trở xuống là thiết lập tên gọi của pháp: a- Nhắc lại những điều đã trình bày trước đây; b- Từ “Ngã tụng vô lượng...” trở xuống là nêu ra tên gọi thiết lập trước đây. Cơ cảm liền hiện rõ, không có gì ngăn ngại, gọi là tự tại thọ sinh, bao gồm chủ động hiện rõ và thụ động hiện rõ.

Mục 3- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của pháp môn, trong đó có hai: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục b là giải đáp, thấy biết về cảnh giới này tức là nghiệp dụng, trong đó có hai tiết: Một-Trình bày về theo Nguyên thọ sinh; Hai-Từ “Kinh ư bách niên...” trở xuống là nhìn thấy như Nguyên xưa kia.

Trong tiết hai có bốn tiết:

Tiết 1- Nhìn thấy tướng của điềm lành giáng thân.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, Ma-da...” trở xuống là nhìn thấy ra ngoài thành hiện rõ ánh sáng.

Tiết 3- Từ “Ma-da phu nhân ư Tất-lạc-xoa...” trở xuống là nhìn thấy sự thần biến lúc sắp sinh, trong đó có hai tiết:

Tiết a- Nêu lên chứng cứ, Tất-lạc-xoa, Trung Hoa nói là Cao Hiển.

Tiết b- Riêng biệt hiển bày về mười thần biến: Một- Mọi người quy tụ, đau khổ ngừng lại; Hai- Tụ vào tản ra không hề ngăn ngại; Ba-

Đầu mảy lông hiện rõ nhân của Phật; Bốn- Hiện rõ sự việc đời trước của Phật; Năm- Hiện rõ thân làm chỗ dựa của hành; Sáu- Hiện rõ tất cả hành Xả; Bảy- Hiện rõ vườn rừng thọ sinh của Cổ Phật; Tám- Hiện rõ cung điện nơi ở của Phật hiện tại; Chín- Hiện ra Bồ-tát cùng chủng loại; Mười- Mặt đất hiện ra hoa sen để nâng bước chân của bậc Chí Thánh.

Tiết 4- Từ “Thiện nam tử, Lam-tỳ-ni...” trở xuống là chính thức nhìn thấy Đản sinh, trong đó có ba tiết:

Tiết a- Nhìn thấy tướng bên ngoài, có bốn loại tướng, giải thích bao gồm Sự-Lý.

Dựa theo Sự: Một- Quay lại chiếu rọi thẳng thắn; Hai- Cao xa rõ ràng ung dung; Ba- Ánh sáng uy nghiêm to lớn; Bốn- Rõ ràng có thể nhìn thấy.

Dựa theo Lý: Một- Dựa vào Tánh Không, không có trú vào mà hiện rõ; hai- Dựa vào núi Niết-bàn, tâm không phân biệt mà xuất hiện; ba- Trong vầng mây Đại Từ mà hiện rõ Hóa thân không có trú vào; bốn-Bởi vì phá trừ bóng tối dày đặc của Vô minh sinh tử cho chúng sinh.

Tiết b- Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là hiểu rõ về đức bên trong.

Tiết c- Từ “Đương ngã kiến Phật...” trở xuống là kết luận về rộng khắp mọi nơi, thì ngang-dọc không cùng tận.

Mục 4- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử bạch bĩ Thân...” trở xuống là hiển bày về gốc rễ sâu xa của pháp: a-Thưa hỏi; b-Giải đáp.

Trong mục a là giải đáp, có hai tiết: Một- Trường hàng; hai- Kệ tụng.

Tiết một- Trong Trường hàng có sáu: 1- Phật xuất hiện ở thời xưa; 2- Từ “Kỳ tứ thiên...” trở xuống là hiển bày về cha mẹ thời xưa; 3- Từ “Kỳ Hỷ Quang...” trở xuống là vin vào cây mà Đản sinh; 4- Từ “Thời hữu...” trở xuống là ngắm nhìn Phật đạt được pháp; 5- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay, không kết hợp về cha mẹ, bởi vì ý trình bày chính là Phụ vương Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma-da, Phật tức là Phật hiện tại; 6- Từ “Ngã từng thị...” trở xuống là hiển bày về Dụng rộng khắp mọi nơi.

Tiết hai- Trong Kệ tụng có hai mươi ba kệ, phân bốn: 1- Có một kệ về khuyên nhủ lắng nghe, nhận lời thuyết giảng; 2- Có chín kệ, tụng phần tu chứng đầu tiên; 3- Có mười hai kệ, tụng phần tu tập tăng lên trải qua các sự việc; 4- Có một kệ, kết luận ca ngợi về vô tận.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Trong mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau: Nói là Cù-ba, Trung Hoa nói là Thủ Hộ Đại Địa, lúc còn tại gia làm cha mẹ bảo vệ Thái tử, tích chứa đầy đủ bảo vệ địa phận của đất nước, đã làm Phi hậu của Quốc Vương thì dựa vào Chủ có được tên gọi, biểu thị cho Địa thứ mười đã tròn vẹn cho nên không có Địa nào không bảo vệ.

Nhưng Thái tử có ba vị Phu nhân: 1-Tên gọi Cù-ba; 2- Tên gọi Da-du Đà-la; 3- Tên gọi Ma-nô-xá. Nay cuối cùng của nhân vị, cho nên chọn lấy vị Phu nhân thứ nhất, bởi vì pháp Hỷ đã đầy đủ, nương vào Phi hậu xưa kia. Vị này chính mình có thể đạt được quả Phật, cho nên ở trong kinh thành mà sinh ra Phật.

Mục sáu-Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 75 trong kinh).

Đoạn mười: Thích nữ Cù-ba, Thiện hữu nương vào Pháp Vân Địa.

Trong mục một-Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1-Dựa vào sự tu chứng trước đây; 2-Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu vị Thiện hữu tiếp sau.

Trong mục 2 có bốn: a-Hướng về mong cầu đến nơi; b-Từ “Kỳ trung hữu Thần...” trở xuống là bạn hữu đón chào khen ngợi; c-Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn...” trở xuống là Thiện Tài hợp ý thuật rõ; d-Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là vị Thần tôn kính càng thêm sâu sắc.

Trong mục b có bốn tiết: Một-Khen ngợi về Hạnh đến kết quả cuối cùng; hai-Từ “Ngã quán Nhân giả tu chư...” trở xuống là khen ngợi tinh tiến đạt được quả; ba-Từ “Ngã quán Nhân giả dũng mãnh...” trở xuống là khen ngợi tinh tiến đạt được pháp; bốn-Từ “Hà dĩ...” trở xuống là dùng Lý để giải thích về thành tựu.

Trong mục c là Thiện Tài hợp ý thuật rõ, có hai: Một-Hợp ý tiếp nhận điều đã nói; hai-Từ “Thánh giả, ngã nguyện...” trở xuống là thuật rõ những việc đã làm của mình.

Trong tiết hai, có hai: 1-Trình bày về Tứ Đẳng thâm nhiếp chúng sinh; 2-Trình bày về vạn đức làm lợi ích cho chúng sinh.

Trong tiết 1 có bốn, đó là Pháp-Dụ-Hợp và Giải thích.

Trong Pháp có Từ-Bi. Trong Hợp bao gồm Hỷ. Trong giải thích, không tham bao gồm trình bày về có Xả, trong đó: a-Đưa ra; b-Giải thích.

Trong tiết b là giải thích có hai chi tiết: Một-Tổng quát trình bày; hai-Từ “Bất tham sinh tử...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong chi tiết hai: 1-Trình bày về không tự mình làm; 2-Từ “Đản kiến chúng sinh...” trở xuống là trình bày về những việc đã làm.

Tiết 2-Từ “Thánh giả, Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về vạn đức làm lợi ích cho chúng sinh, trong đó có hai: a-Có mười sáu câu, riêng biệt dựa theo Dự hiển bày về làm nơi nương tựa cho chúng sinh; b-Từ “Thánh giả, Bồ-tát như thị...” trở xuống là kết luận thành tựu lợi ích cho chúng sinh.

Mục d là vị Thần tôn kính càng thêm sâu sắc, là bởi vì nghe về pháp trên đây. Trong văn có ba tiết: Một- Trưởng hàng bày tỏ về cúng dường. Hai- Dùng kệ ca ngợi về đức, có mười kệ phân hai: Ba kệ đầu ca ngợi về Hạnh hưởng xuống dưới làm lợi ích chúng sinh; bảy kệ sau ca ngợi về Hạnh hưởng lên trên mong cầu không ngăn ngại. Ba- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là dùng thân theo đuổi bởi vì tình cảm hết sức yêu quý tôn trọng.

Mục hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Nhìn thấy; 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi.

Trong mục 1- Nhìn thấy, có hai: a- Đi vào nhà lớn suy xét tìm tòi đã nhìn thấy Y báo, văn này cũng có thể thuộc về trước đây. b- Từ “Kiến tại đường nội...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo của Thiện hữu: Đầu là nhìn thấy Chủ, sau từ “Bát vạn...” trở xuống là nhìn thấy Bạn. Mở rộng ca ngợi về Bạn thuận theo đức thù thắng, đức của Chủ tất nhiên đã không thể nói được.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ chào cung kính.

Mục 3- Từ “Tác như thị ngôn...” trở xuống là thưa hỏi, trong đó có hai: a- Tự mình bày tỏ phát tâm; b- Từ “Nhi vị tri...” trở xuống là chính thức thưa hỏi.

Trong mục b có mười một câu, thưa hỏi về Hạnh thuộc Bi-Trí thuận nghịch, Quyền-Thật tịch dụng vô ngại cùng hiện hành. Mười câu trước thấu nhiếp làm năm cặp: Một: Hơn phàm phu-vượt Tiểu thừa làm một cặp; Hai: Lìa xa quả-vượt qua nhân làm một cặp; Ba: Hiện rõ sinh-chỉ ra sắc làm một cặp; Bốn: Tướng đầy đủ-thuyết tận cùng làm một cặp; Năm: Dưới giáo hóa-trên cúng dường làm một cặp.

Câu mười một là tổng quát hiển bày về các pháp thiện Chân-Tục cùng hiện hành.

Mục ba- Từ “Thời Cù-ba nữ...” trở xuống là chỉ ra pháp giới của mình, trong đó có bốn: 1- Nghĩa của pháp; 2- Tên gọi của pháp; 3- Dụng của pháp; 4- Căn bản của pháp.

Trong mục 1- Nghĩa của pháp: a- Trường hàng; b- Kệ tụng.

Trong mục a- Trường hàng, cũng có hai tiết: Một- Khen ngợi khuyên nhủ, nhận lời thuyết giảng; Hai- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghĩa của pháp.

Trong tiết hai có hai: 1- Trình bày về Hạnh thuộc về ánh sáng Trí của Đế vông, nghĩa là dựa vào mười pháp này thì soi chiếu về pháp trùng trùng vô tận, có nêu lên-giải thích và kết luận có thể biết. 2- Từ “Phật tử, nhược Bồ-tát...” trở xuống là Hạnh vâng theo phụng sự Thiện hữu. Trước là trình bày dựa vào pháp, ở đây phân rõ dựa vào người. Pháp nhờ vào người mà làm cho lớn mạnh, nhờ đạt được pháp này mà phát sinh vô tận về pháp, cũng là mở rộng một tiết 1 trước đây, cũng có nêu lên-giải thích và kết luận.

Trong mục b- Kệ tụng, có mười hai kệ phân hai tiết:

Tiết một- Có mười kệ, như thứ tự tụng về mười Hạnh thuộc ánh sáng Trí của Đế vông trước đây. Nhưng trong Trường hàng trước đây chỉ gọi là Hạnh thuộc về ánh sáng của Đế vông, là tên gọi chung của mười pháp. Nay trong kệ, hai kệ đầu chọn lấy tên gọi tổng quát trước đây, tám Hạnh sau đều riêng biệt thiết lập tên gọi, thì biết mười tên gọi, mỗi một tên gọi bao gồm mười Hạnh ấy, trùng trùng vô ngại mới dẫn đến tên gọi của Đế vông. Lại cần phải đạt được ý của kệ này thì mới hiểu rõ tên gọi trước đây.

Tiết hai- Có hai kệ, tụng về hai pháp sau trong mười pháp phụng sự Thiện hữu trước đây, bởi vì hai pháp sau che kín lẫn nhau. Còn lại lược qua không tụng.

Mục 2- Từ “Thời Thích-ca...” trở xuống là thiết lập tên gọi của pháp, nghĩa là Tam-muội Phổ Hiền của tất cả Bồ-tát sâu rộng như biển, như pháp giới cho nên sâu, như tên gọi của chúng sinh cho nên rộng, dùng Trí thù thắng vi diệu, quán sát trong niệm niệm, cho nên thiết lập tên gọi này.

Trong mục 3- Từ “Thiện Tài ngôn Đại Thánh...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của pháp môn: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục a là giải đáp có hai tiết: Một- Hiển bày về nhận biết rộng rãi; Hai- Giải thích về nguyên cố nhận biết.

Trong tiết một- Hiển bày về nhận biết rộng rãi, có ba: 1- Nhận biết về thế giới Sa-bà; 2- Tương tự nhận biết về vô số thế giới; 3- Riêng biệt hiển bày về nhân quả của Đức Tỳ-lô.

Trong tiết 1- Nhận biết về thế giới Sa-bà, có hai: a- Nhận biết về sự việc trong vô lượng kiếp; b- Từ “Thiện nam tử, thử Sa-bà...” trở

xuống là tương tự tận cùng thời gian vị lai.

Trong tiết a: cũng có hai chi tiết:

Chi tiết một- Nhận biết về nhân quả thiện ác của thế gian, căn bất thiện mà thâm nhiếp căn thiện, là như tâm nóng giận mà trì giới, câu sau tương tự nhận biết.

Chi tiết hai- Từ “Hựu bỉ kiếp...” trở xuống là nhận biết về nhân quả của xuất thế gian, trong đó cũng có hai: 1- Nhận biết về nhân quả của Phật; 2- Từ “Diệc tri bỉ Phật chúng...” trở xuống là nhận biết về chúng hội của Phật.

Trong chi tiết 2 có ba: a- Nhận biết về chúng Thanh văn; b- Nhận biết về chúng Duyên giác; c- Nhận biết về chúng Bồ-tát. Văn có thể biết.

Tiết b là tương tự tận cùng thời gian vị lai, văn hiển bày có thể biết.

Tiết 2- Từ “Như tri Sa-bà...” trở xuống là tương tự nhận biết về vô số thế giới, trong đó có hai: a- Tổng quát hiển bày về nhận biết nhiều; b- Riêng biệt hiển bày về tướng trạng đã nhận biết.

Tiết a- Tổng quát hiển bày về nhận biết nhiều, có sáu lớp tương tự nhận biết, những lớp sau rộng hơn những lớp trước:

Hai lớp đầu đều là toàn bộ thế giới thâm nhiếp nhiều thế giới, mà lớp thứ nhất chỉ thâm nhiếp thế giới thuộc chủng loại giống nhau cho nên nói là Trần số, lớp thứ hai tức là thế giới thuộc chủng loại khác nhau cho nên nói là Nhất thiết, bởi vì tất cả các chủng loại.

Lớp thứ ba tức là trong mảy trần thâm nhiếp thế giới, cho nên vi tế hơn lớp trước.

Lớp thứ tư tức là vô lượng thế giới vây tròn xung quanh thế giới của mười ba vị Phật, và thế giới quyền thuộc rộng lớn, cho nên nói là những thế giới ở ngoài thế giới Sa-bà.

Lớp thứ năm tức là soi chiếu tất cả mười phương, do chủng loại thế giới với ánh sáng quý báu rực rỡ mà thâm nhiếp thế giới, tất cả có hai mươi lớp.

Lớp thứ sáu tức là đầy đủ vô lượng vô biên thế giới trong thế giới Liên Hoa Tạng.

Tiết b- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng trạng đã nhận biết, có mười lớp: 1- Rộng lớn, tức là chủng loại làm chỗ dựa. 2- An lập, tức là nhân duyên, hoặc là trú vào chỗ dựa. 3- Tức là vây tròn xung quanh. 4- Tức là nơi chốn trong đó. 5- Thế loại đều khác nhau. 6- Chuyển có hai nghĩa: Một- Như hình dạng xoay chuyển bên

canh vòng tròn, cho nên phẩm Thế Giới Thành Tựu nói: Hoặc có thể giới xoay chuyển theo vòng tròn. Hai- Tức là sự chuyển biến của kiếp. 7- Hoa sen làm chỗ dựa. 8- Tức là Tu-di trong đó. 9- Tùy theo duyên thiết lập tên gọi. 10- Tức là kết luận quả thuộc về nhân, nghĩa là vô lượng thế giới trong Hoa Tạng đều do Bốn nguyện của Phật mà trang nghiêm, cho nên nói là do uy lực.

Tiết 3- Từ “Diệc niệm Như Lai...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nhân quả của Đức Tỳ-lô, trong đó có hai:

Tiết a- Trình bày về nhân, nhưng có hai nghĩa: Một- Thành tựu ở mức cao nhất, mà chỉ tổng quát nói là Lực của Bốn nguyện, nay riêng biệt hiển bày về nhân thành tựu của thế giới; Hai- Thuận theo sau cũng bao gồm nhân của Chánh báo.

Tiết b- Từ “Đắc ư Như Lai...” trở xuống là hiển bày về quả, có thể biết.

Tiết hai- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ nhận biết.

Mục 4- Từ “Thiện Tài bạch ngôn...” trở xuống là hiển bày gốc rễ sâu xa của pháp, có hai: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục a- Thưa hỏi: Tuy chỉ thưa hỏi về đạt được pháp xa-gần, mà nghĩa đã hàm chứa về tu tập thực hành xa-gần, bởi vì đạt được pháp môn này.

Trong mục b- Giải đáp, có bốn tiết: Một- Trình bày về phát tâm tu tập thực hành từ vị Phật đầu tiên; Hai- Tu tập thực hành từ nhiều vị Phật ở trung gian; Ba- Chính thức trình bày về thời gian đạt được pháp; Bốn- Nhiều kiếp tu tập làm cho pháp này sáng tỏ.

Trong tiết một phân hai: 1- Chính thức hiển bày về duyên của mình; 2- Kết hợp với xưa và nay.

Trong tiết 1- Chính thức hiển bày về duyên vốn có, phân mười chi tiết:

Chi tiết một- Thời gian và nơi chốn của Vương đô kiếp trước.

Chi tiết hai- Thái tử siêu việt tuyệt vời, trong đó có hai: 1-Đầy đủ tướng; 2-Dạo chơi ngắm nhìn.

Chi tiết ba- Người nữ quý báu cầu mong kết hôn, trong đó có bốn: 1- Đầy đủ đức đoan nghiêm. 2- Từ “Kiến kỳ...” trở xuống là thưa với mẹ về điều mong cầu. 3- Từ “Bỉ hương nha...” trở xuống là trong mộng nhìn thấy Đức Phật xuất thế. 4- Từ “Thời diệu đức...” trở xuống là tự nói rõ tâm mình, toàn bộ có mười kệ: Ba kệ trước, tự mình thuật rõ về đức tuyệt vời; bảy kệ sau, ca ngợi mong cầu người ấy tiếp nhận.

Chi tiết bốn- Thái tử hỏi han tường tận, có mười hai kệ phân ba: 1- Có hai kệ, hỏi về duyên hệ thuộc của người nữ; 2- Có ba kệ, hỏi về lỗi lầm bên trong của người nữ; 3- Có bảy kệ, ngăn chặn để tiến thêm điều thiện cho người nữ.

Chi tiết năm- Mẹ người nữ trả lời thay con, trình bày có đức chứ không có lỗi lầm, cũng không duyên hệ thuộc, cho nên thuận lòng tiếp nhận, có ba mươi mốt kệ phân sáu: 1- Có mười một kệ, tổng quát hiển bày về Báo thù thắng; 2- Có ba kệ, riêng biệt ca ngợi về đoan nghiêm; 3- Có ba kệ, trình bày về sự tuyệt luân của người nữ; 4- Có năm kệ, trình bày về bên trong đầy đủ kỹ năng; 5- Có tám kệ, trình bày về lìa xa lỗi lầm đầy đủ đức hạnh; 6- Một kệ cuối cùng, kết luận ca ngợi những điều thích hợp.

Chi tiết sáu- Thái tử trở lại ngăn chặn, nghĩa là nếu không trở ngại cho đạo thì sẽ thuận theo ý của người nữ, trong đó: Trước là Trưởng hàng phân hai: 1- Tự mình nói về Hạnh sâu xa; 2- Từ “Đương ư nhĩ...” trở xuống là sợ rằng điều ấy làm trở ngại. Sau là Kệ tụng, có mười kệ phân ba: 1- Có sáu kệ, tụng về Hạnh sâu xa ấy; 2- Có hai kệ rưỡi, ngăn chặn người nữ đừng làm trở ngại; 3- Có một kệ rưỡi, kết luận khiến cho suy nghĩ kỹ càng.

Chi tiết bảy- Người nữ kính trọng thuận theo, có mười bốn kệ phân ba: 1- Có ba kệ, quên đau khổ-nhờ đức hạnh; 2- Có sáu kệ, mong mỗi cùng chung Hạnh thù thắng, thì chính là phát tâm Bồ-đề; 3- Có năm kệ, khuyến khích đến nơi Như Lai.

Chi tiết tám- Thái tử thâm nhiếp tiếp nhận, do kính Phật mà tâm vui mừng.

Chi tiết chín- Người mẹ bày tỏ mừng vui toại nguyện, trở lại khen ngợi đức hạnh của người nữ, có mười kệ phân bốn: 1- Có một kệ, nêu lên tâm chí thỏa mãn của mình; 2- Có hai kệ, trình bày về đức hạnh sâu xa giống nhau; 3- Có bốn kệ, trình bày về thân-ngữ siêu việt tuyệt vời; 4- Có ba kệ, trình bày về đức hạnh tích chứa trong tâm.

Chi tiết mười- Chính thức cùng nhau tu tập thực hành, cũng phân làm mười chi tiết: 1- Đến nơi Đức Phật để cúng dường; 2- Từ “Thời Phật...” trở xuống là nghe kinh đạt được pháp; 3- Từ “Thời bỉ Thái tử...” trở xuống là từ già trở về thưa với vua cha; 4- Từ “Nhĩ thời Đại Vương...” trở xuống là vua cha hỏi rõ mừng vui lắng nghe; 5- Từ “Tác thị niệm...” trở xuống là truyền ngôi cho con đi đến ngắm nhìn; 6- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là nghe kinh đạt được pháp; 7- Từ “Kỳ chúng hội nhân...” trở xuống là đầy đủ lợi ích cho chúng hội lúc bấy giờ; 8- Từ “Thời Phật...”

trở xuống là Đức Phật trở lại hiện rõ thân thông; 9- Từ “Thời bỉ Phụ vương...” trở xuống là vua cha xuất gia tu tập chứng được pháp môn; 10- Từ “Nhĩ thời Thái tử...” trở xuống là Thái tử kế thừa ngôi vị giáo hóa rộng khắp làm cho lớn mạnh.

Tiết 2- Từ “Phật tử, ư nhữ ý...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay.

Tiết hai- Từ “Bỉ Phật diệt hậu...” trở xuống là được gặp nhiều vị Phật ở trung gian, tóm lược nêu ra bốn mươi vị Phật.

Tiết ba- Từ “Kỳ tối hậu Phật...” trở xuống là chính thức trình bày về thời gian đạt được pháp: Vị Phật cuối cùng, tức là sau cuối của sáu mươi ức Na-do tha vị Phật mà thôi.

Tiết bốn- Từ “Phật tử, ngã đắc thử...” trở xuống là trình bày về nhiều kiếp tu tập làm cho pháp này sáng tỏ, trong đó có hai tiết:

Tiết 1- Tu tập thực hành vô số kiếp ở một thế giới, có hai: a-Tu tập thực hành nhiều kiếp, chưa tận cùng cảnh giới của Bồ-tát; b-Từ “Phật tử, nhược hữu...” trở xuống là trình bày về Bồ-tát khó gặp được, người được thấy thì không uổng phí.

Tiết 2- Từ “Phật tử, ngã kiến...” trở xuống là tu tập thực hành vô số kiếp ở một trăm thế giới, có hai: a- Nhiều kiếp tu chứng mà chưa nhận biết về giải thoát của Bồ-tát; b- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ không nhận biết.

Trong tiết b cũng có hai chi tiết:

Chi tiết một- Tổng quát hiển bày về sâu rộng, nghĩa là sở dĩ không nhận biết, bởi vì cảnh giới của chư Phật đều xứng với vô biên Sự-Lý, đây là giải thoát của Bồ-tát ở phần vị Đẳng giác, Thập Địa không nhận biết cho nên gọi là giải thoát của phần vị Phổ Hiền.

Chi tiết hai- Từ “Phật tử, ngã ư Phật sát...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng sâu xa khó nhận biết, nghĩa là một mảy lông đã không thể cùng tận, hướng hồ Dụng rộng lớn của nhiều mảy lông-nhiều thân, bởi vì đều là pháp môn thuộc về Vô tận-Vô biên, trong đó có năm: 1- Trong mảy lông nhìn thấy Khí thế gian; 2- Nhìn thấy Trí chánh giác thế gian; 3- Nhìn thấy Chúng sinh thế gian; 4- Nhìn thấy sự tu tập thực hành của Bồ-tát; 5- Từ “Phật tử, ngã ư...” trở xuống là tổng quát kết luận về sâu rộng không cùng tận.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, vẫn có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, phân hai: 1- Chỉ ra phần vị sau, như văn sau sẽ giải thích; 2- Tụng về pháp trước đây, bởi vì sắp ra

đi cho nên trở lại thuật rõ.

Có ba mươi mốt kệ phân ba:

Một- Có một kệ, tổng quát hiển bày về Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sinh, vượt lên tưng về người được thấy không uống phí trước đây, lợi ích phát sinh sau tâm nhiệm của người nữ.

Hai- Có mười lăm kệ, trình bày về sự việc trước đây trong kiếp xa xưa, Trường hàng vốn không có. Trường hàng nói về phát tâm thanh tịnh chân thật, chỉ nói về đức của người nữ. Nay thì thu nhận xen lẫn nhiều điều thiện, cho nên nói về duyên xa xưa, lấy Thô so sánh với Diệu.

Ba- Có mười lăm kệ, chính thức tụng phần Trường hàng nói về nhân duyên-đức hạnh của người nữ.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Trên đây là Tướng tu hành nương vào phần vị, xong.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 76 trong kinh).

Tướng thứ hai- Từ Phu nhân Ma-da về sau có mười một người, trình bày về Tướng hội tụ duyên tiến vào Thật, nghĩa là kết hợp với duyên sai biệt của các phần vị trước đây, khiến cho sinh ra quả Phật quy về một pháp giới chân thật, như Ma-da sinh ra Phật, cho nên tiếp đến trình bày về điều đó.

Nhưng tuy có mười một người mà dựa theo Pháp chỉ có chín, dựa theo Hội là mười, đầu là một Hội tổng quát, chín Hội còn lại là riêng biệt.

Ma-da đạt được pháp môn Trí Huyền, vị cuối cùng cũng đạt được Huyền Trú, đầu và cuối kết hợp với nhau bao gồm những phần vị trung gian, tổng quát-riêng biệt viên dung quy về Thật không hai, cho nên Ma-da đã hội tụ duyên tiến vào Thật, đâu cần phải trải qua mười người? Lẽ nào không phải trước đây nói tổng quát-riêng biệt kết hợp với nhau hay sao? Bởi vì không phải là riêng biệt thì không thể trở thành tổng quát.

Lại bởi vì hiển bày là duyên đã kết hợp, nói đến mười là biểu thị cho Vô tận, mà duyên Vô tận đều thành tựu Thật đức của Ma-da. Lại bởi vì nghĩa của một tướng này là Đẳng giác, Đẳng giác mới có thể tự mình sinh ra Phật, cho nên Đẳng giác lại tiến vào trong Huyền môn trùng trùng.

Có mười người, phần nhiều trình bày về tiến vào Tục, bắt đầu là Thiên Chủ Quang lại cần phải Chánh niệm không sai lầm, tiếp đến có thể làm Thầy của thế gian, cùng khắp các môn Huyền Trí-Tự Mẫu của

Chúng Nghệ. Thanh tịnh không có nương tựa, không có tận cùng, không có đấm trước. Thanh tịnh thì Trí thanh tịnh phát ra ánh sáng, phát ra ánh sáng thì tướng của Trí không có tận cùng, không có tận cùng thì Nguyên chân thành không trái ngược, mới có thể trở lại quy về Huyền Trú. Tuy là mười một người, mà không sai với ngôn từ tiến vào Thật, phần vị đầu-phần vị cuối đều là Huyền, mới nhận biết Thể của các duyên là Hư ngay nơi Thật.

Phần thứ nhất: Trong Hội tổng quát là Phu nhân Ma-da, văn cũng đầy đủ sáu mục:

Trong mục một-Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1-Mong đến quán sát thành tựu; 2-Duyên thù thắng dẫn dắt.

Trong mục 1-Mong đến quán sát thành tựu, có ba: a-Nêu lên mong đến quán sát thành tựu; b-Từ “Tác như thị...” trở xuống là riêng biệt trình bày về nghĩ đến quán sát; c-Từ “Như thị chi nhân...” trở xuống là suy nghĩ muốn tự mình nương theo.

Mục a-Nêu lên mong đến quán sát thành tựu: Ma-da, xưa nói là Thiên Hậu, bởi vì Thiên Hậu có thể sinh ra Phật.

Trong Quyển giáo nói Phu nhân sinh Phật bảy ngày thì mạng chung sinh lên cõi trời, mà bản kinh thời Tấn chỉ ra ở kinh thành Ca-tỳ-la, thì đã hiển bày về Thường bất diệt.

Lại trước đây nói là Thế giới này, cũng biểu thị ngay nơi cảnh giới của Phật, đạt được Trí quán sát cảnh giới của Phật.

Nhưng nói về Ma-da, hoặc nói là Thật chứ không phải Hoá, hoặc nói là Hoá chứ không phải Thật, hoặc nói là cũng Hoá-cũng Thật, hoặc nói là không phải Hóa-không phải Thật, đều kèm theo phương tiện. Dựa theo Tông này mà nói, tức là Thật đức của pháp giới, người và pháp viên dung.

Trong mục b là riêng biệt trình bày về nghĩ đến quán sát, có hai tiết: Một-Tổng quát nghĩ đến đức thù thắng, đã có thể ngầm hợp với Huyền môn của Nguyên Trí; hai-Từ “Tùy ý sinh...” trở xuống là riêng biệt nghĩ đến mười bảy Thân, chỉ có Phổ Nhãn nhìn thấy, phù hợp sâu xa với Thiên Hậu đã hiện rõ ở văn sau.

Mục c là suy nghĩ muốn tự mình nương theo, có thể biết.

Trong mục 2-Từ “Tác thị niệm dĩ...” trở xuống là duyên thù thắng dẫn dắt, có ba: a-Thân chủ kinh thành hiển bày chỉ dạy về tu tâm; b-Thân Thân Chúng bí mật gia hộ trao cho pháp; c-La sát Pháp Đường chỉ dạy phương pháp mong cầu Thiện hữu.

Trong mục a có ba tiết:

Tiết một-Dùng hoa tung rải.

Tiết hai-Từ “Tác như thị...” trở xuống là chính thức dùng lời để chỉ dạy, Thần chủ kinh thành khiến cho giữ gìn khu thành của tâm, là biết không có một sự việc nào không phải là pháp môn. Tâm gọi là khu thành, bởi vì trong đó có Pháp Vương Chánh Giác do vận đức mà tích tụ, có ba mươi môn phân ba:

1-Trình bày về Hạnh thuộc mười Độ, có mười hai môn, hai Độ đầu và cuối đều có hai môn, tám Độ giữa đều có một môn.

2- Từ “Ứng phù...” trở xuống có mười một môn, tức là mười loại Hạnh thù thắng thuộc về pháp của Địa đối trị làm thanh tịnh Địa thứ nhất, vẫn có phần không theo thứ tự mà số lượng đều đầy đủ: Một-Tín; Hai- Từ; Ba- Kiên cố; Bốn- Bi; Năm- Xả; Sáu- bảy đều là Tâm- Quý, nghĩa là không cho phép làm ác; Tám- Không có một mỗi chán nản; Chín- Thực hành như lời nói; Mười- Nhận biết các Kinh-Luận; Mười một- Tức là thành tựu Trí thế gian, có thể hiểu rõ tất cả chúng sinh.

3- Từ “Ứng trú trì...” trở xuống có bảy môn về Phước-Trí viên mãn, hai môn trước là Phước, năm môn sau là Trí. Trong năm môn về Trí: Ba môn đầu là Quyền Trí, hai môn sau là Thật Trí.

Tiết ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát...” trở xuống là kết luận ca ngợi, đưa ra giải thích và thành tựu lợi ích.

Trong mục b- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống Thần Thân Chúng bí mật gia hộ trao cho pháp, có ba tiết: Một- Ca ngợi Thiện hữu khiến cho vui mừng; Hai- Từ “Tùng kỳ nhĩ...” trở xuống là phát ra ánh sáng gia hộ; Ba- Từ “Thiện Tài tức đắc...” trở xuống là Thiện Tài đạt được lợi ích, đó gọi là mười Nhân.

Nói về Thân không thể nghĩ bàn, là bởi vì mười Thân vô ngại. Phật bình đẳng, là bởi vì Phật-Phật giống nhau. Vì vậy khác với trước đây, là chỉ trình bày về Pháp thân. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Mục c- Từ “Thời hữu...” trở xuống là La-sát Pháp Đường chỉ dạy phương pháp mong cầu Thiện hữu, trong đó có ba tiết: Một- Chỉ dạy; Hai- Thưa hỏi; Ba- Giải đáp.

Trong tiết một- Chỉ dạy, có hai: 1- Chỉ dạy về mười pháp tăng thêm Trí; 2- Chỉ ra Tam-muội dừng tâm tán loạn. Đều có nêu lên-giải thích và kết luận.

Tiết 1- Chỉ dạy về mười pháp. Trong giải thích có mười một tâm: Một- Thắng thân; Hai- Bi; Ba- Trí; Bốn- Tinh tiến; Năm- Tín; Sáu- Sáu xa; Bảy- Từ; Tám- Thanh tịnh; Chín- Lợi ích; Mười- Khéo léo; Mười một- Thường.

Tiết 2- Chỉ ra Tam-muội. Trong giải thích: Đối với cảnh không rời bỏ..., bởi vì phạm phu nhiễm theo cảnh, Nhị thừa rời bỏ cảnh. Quyền giáo dù cho quán sát Không-Hữu trình bày lẫn nhau, mà đều là thiếu kém. Nếu tu theo Viên giáo, thì đối với cảnh nhìn thấy mà tận cùng nguồn cội của pháp, cho nên không chọn lấy-không rời bỏ. Kinh Ương Quật nói: “Ma-ha-diễn, đó gọi là Nhãn căn ấy, đối với các Như Lai, thường sáng tỏ rõ ràng, nhìn thấy đầy đủ không hề giảm bớt tu tập...” Lại nói: “Đó gọi là Nhãn nhập xứ, đối với các Như Lai, thường nhìn thấy rõ ràng, mà tìm được lối vào đầy đủ, không hề giảm bớt tu tập...” Còn lại có thể biết. Trong kết luận: Khắp nơi gặp được Thiện hữu, là Định-Tuệ đã cùng qua lại, không có cảnh nào không phù hợp, mà đều là Đạo phẩm, thì Thiện hữu chân thật nối thông với nhau sâu xa, có thể thực hành như vậy, là bảo vệ ngôi nhà Chánh pháp.

Tiết hai- Từ “Thuyết thị ngữ thời...” trở xuống là thưa hỏi.

Tiết ba- Từ “La-sát...” trở xuống là giải đáp, có bốn pháp: 1- Bởi vì Thiện hữu có ở mọi nơi; 2- Bởi vì lấy pháp làm Thể; 3- Bởi vì thân giống như Thiện hữu khắp nơi; 4- Bởi vì Trí phù hợp với cảnh, như giặc mộng-như bóng ảnh. Lại ba pháp trước tức là lia xa tướng của cảnh giới, một pháp sau là lia xa tướng của tâm duyên.

Mục hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài thọ hành...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: 1- Nhìn thấy; 2- Lễ chào cung kính; 3- Thưa hỏi.

Trong mục 1- Nhìn thấy, có hai: a-Nhìn thấy Y báo; b-Nhìn thấy Chánh báo.

Mục a- Nhìn thấy Y báo, có hai tiết:

Tiết một- Tiếp nhận thực hành theo sự chỉ dạy, là tiếp theo phần trước phát khởi phần sau, gần thì tiếp theo lời dạy của La-sát, xa thì nối thông với ba vị Thiện hữu thù thắng trước đây. Bởi vì hai vị Thần trước đây đều chưa có lời giải đáp, tức là nhờ vào sự điều hòa luyện tập của ba vị trước đây, mà được nhìn thấy Báo thù thắng này.

Tiết hai- Từ “Tức thời...” trở xuống là chính thức trình bày về những điều nhìn thấy, trong đó có ba tiết:

Tiết 1- Trình bày về Hoa sen, bởi vì tự tánh của pháp giới đã chứng được không có tạp nhiễm, cho nên gọi là Hoa sen. Bởi vì Vô minh đã tách ra, không lìa xa trong tâm, như từ dưới đất vọt lên, cũng biểu thị cho nhân của vạn hạnh thuộc về tánh thanh tịnh, từ mặt đất của pháp tánh mà xuất hiện. Đây tức là Hoa của Phổ Hiền trong phẩm Thập Định.

Tiết 2- Từ “Ư kỳ đài...” trở xuống là trình bày về lầu quán trên đài hoa, nghĩa là Quyền Trí-Thật Trí có thể chứng được, dựa vào pháp đã chứng được mà trở lại hiện rõ. Trí bao gồm đầy đủ không có gì ở ngoài, cho nên nói là tiếp nhận tất cả mười phương. Thân nhiếp toàn bộ Tự phần và Thắng tiến của năm phần vị, cho nên nói là ngàn cây cột xếp hàng thẳng tắp. Mỗi một sự việc ấy đều có những biểu thị, sợ rằng chán ngán vì văn nhiều cho nên không đưa ra.

Tiết 3- Từ “Kỳ lầu quán...” trở xuống là trình bày về pháp tòa quý báu trong lầu quán, tức là Thể của Trí tự nhiên rỗng rang, cho nên nói là trong lầu quán có pháp tòa, rỗng rang đầy đủ tánh đức mà mở rộng hiển bày về trang nghiêm.

Mục b- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là nhìn thấy Chánh báo của Thiện hữu, trong đó có hai tiết:

Tiết một- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau, trước đây chỉ trình bày về pháp tòa của Chủ, nay Chủ-Bạn cùng kết hợp.

Tiết hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về vô lượng vô biên thân (Thân vân), trong đó cũng có hai: 1- Trình bày về tướng của Thân; 2- Hiển bày về nghiệp của Thân.

Trong tiết 1- Trình bày về tướng của Thân, cũng có hai: a- Trình bày về vạn loại Thân khó nghĩ bàn; b- Trình bày về một loại Thân siêu việt thù thắng.

Trong tiết a: Cũng có hai chi tiết: Một- Hiển bày về Tướng riêng biệt; Hai- Trình bày về Thể tổng quát.

Chi tiết một- Hiển bày về Tướng riêng biệt, có bốn mươi Thân, trong đó: Hoặc là chỉ dựa theo Sự, như Sắc thân hiện khắp mọi nơi. Hoặc là chỉ dựa theo Lý, như Thân thứ mười hai-mười ba là không sinh-không diệt, bởi vì vốn không có sinh khởi cho nên diệt cũng không phải là diệt. Hoặc là Sự-Lý đan xen với nhau, như Sắc thân thứ ba mươi hai-ba mươi lăm là không có sinh-không sinh, dùng Sự mà hiển bày Lý, trong đó: Không có sinh là dựa theo Nguyện của mình mà thành tựu, không có sinh riêng biệt; không sinh là tùy theo người khác mà hiện rõ, sinh tức là không sinh. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Chi tiết hai- Từ “Như thị Thân giả...” trở xuống là trình bày về Thể tổng quát, nghĩa là vốn lìa xa Hữu Thủ Uẩn.

Tiết b- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trình bày về một loại Thân siêu việt thù thắng, bởi vì chỉ dựa theo người nữ.

Trong tiết 2- Từ “Hiện như thị đẳng...” trở xuống là hiển bày về nghiệp của Thân, có hai: a- Tổng quát nêu lên. b- Từ “Hành ư bình

đẳng...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, cũng có hai chi tiết:

Chi tiết một- Trình bày về Hạnh thuộc mười Độ, chỉ có Tinh tiến độ ở trước Nhẫn độ, còn lại đều theo thứ tự, nghĩa là: 1- Trình bày về Bồ thí độ; 2- Từ “Xuất sinh...” trở xuống là Giới độ, bởi vì Giới có thể sinh trưởng; 3- Từ “Tu tập...” trở xuống là Tinh tiến độ; 4- Từ “Quán sát...” trở xuống là Nhẫn độ; 5- Từ “Cụ chúng...” trở xuống là Thiền định độ; 6- Từ “Hằng chuyển...” trở xuống là Bát-nhã độ; 7- Từ “Kiến chư Như Lai...” trở xuống là Phương tiện độ; 8- Từ “Thành tựu Đại nguyện...” trở xuống là Nguyện độ; 9- Từ “Tâm hằng biến nhập...” trở xuống là Lực độ; 10- Từ “Đắc Phật trí quang...” trở xuống là Trí độ.

Chi tiết hai- Từ “Tu tập nhất thiết Như Lai...” trở xuống là trình bày về hai Hạnh trang nghiêm. Chưa làm Phật mẫu, vốn là Bổn hạnh của Phu nhân Ma-da.

Mục 2- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ chào cung kính, bởi vì đạo của chính mình đã sâu xa, cho nên hiện thân giống như vị ấy.

Hai mục trên đều là trú vào Thể ứng hiện khắp nơi.

Mục 3- Từ “Bạch ngôn Đại Thánh...” trở xuống là thưa hỏi về nguyên cố.

Trình bày về Văn Thù...: Nếu dựa theo phần vị đẳng Giác, thì bởi vì cuối cùng phần vị của nhân; nếu dựa theo duyên hội tụ, thì từ lúc mới phát tâm mỗi một Thiện hữu đều là duyên đã kết hợp, mà cùng tiến vào pháp giới này.

Mục ba- Từ “Đáp ngôn, Phật tử...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có ba: 1- Trình bày về Thể; 2- Nghiệp dụng; 3-Nguồn gốc.

Mục 1- Trình bày về Thể.

Đại có hai nghĩa: 1- Nguyện Đại, bởi vì Nguyện làm mẹ của tất cả chư Phật; 2- Trí Đại.

Trí cũng có hai nghĩa: 1- Quyền trí, tức là có thể phát khởi Đại Nguyện, có thể thành tựu Huyền Sự; 2- Thật trí, tức là Bát-nhã, sinh ra Chân thân của Phật.

Huyền cũng có hai nghĩa: 1- Thể của Nguyện Trí rộng rang, ngay nơi tướng gọi là Huyền, cho nên văn trước đây nói: Huyền trí tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Huyền trí, vì vậy có thể làm tất cả mọi việc. 2- Tức là nghĩa của Trí đã làm cho sinh ra Phật, nghĩa là đối với thân của mình không làm hồng nhỏ bé mà mở rộng tiếp nhận, nếu đối với thân Phật thì không có sinh khởi mà hiện rõ sinh khởi. Vả lại, Nguyện thu nhận

Phổ Hiền, Trí thu nhận Văn Thù, đều hòa vào Đại Huyền, cùng làm Bát-nhã, cũng gọi là Phật mẫu.

Trong mục 2- Từ “Thị cố thường vi...” trở xuống là nghiệp dụng, có hai: a- Tổng quát; b- Từ “Phật tử, như ngã...” trở xuống là riêng biệt.

Trong mục b là riêng biệt có bốn tiết: Một- Làm mẹ của Phật Giá-na trong kiếp hiện tại; Hai- Từ “Thiện nam tử, như kim...” trở xuống là làm mẹ của chư Phật trong kiếp quá khứ; Ba- Từ “Như tử thế giới...” trở xuống là làm mẹ của ngàn vị Phật trong kiếp Hiền, nghĩa bao gồm ba đời; Bốn- Từ “Như ư tử tam thiên...” trở xuống là kết luận nối thông với không gian-thời gian không có tận cùng.

Trong tiết một- Làm mẹ của Phật Giá-na trong kiếp hiện tại, có hai: 1- Nêu lên làm mẹ của Phật Giá-na ở vô lượng thế giới; 2- Từ “Hựu thiện nam tử...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng sinh ra Phật.

Trong tiết 2: Là riêng biệt hiển bày về tướng sinh ra Phật, có bốn tiết:

Tiết a- Ánh sáng đầu sợi lông là tướng ánh sáng, trong đó có năm chi tiết: Một: Ánh sáng tiến vào thân; hai: Ánh sáng hiện rõ biến hoá; ba: Nhìn thấy tám tướng; bốn: Hiện rõ nhân quả; năm: Khiến cho thân khó nghĩ bàn, nghĩa là không lớn mà chứa đủ mười phương.

Tiết b- Từ “Nhĩ thời Bồ-tát...” trở xuống là chính thức trình bày về tự tại tiến vào thai, trong đó cũng có năm chi tiết: Một: Quyển thuộc đi theo giúp đỡ; Hai: Bồ-tát hiện bày thân thông; Ba: Ánh sáng làm cho đau khổ ngừng lại; Bốn: Hiện bày biến hóa tiến vào thai; Năm: Tiến vào rồi dạo bước khắp nơi.

Tiết c- Từ “Hựu niệm niệm trung...” trở xuống là bụng bao gồm đầy đủ các biến khó nghĩ bàn.

Tiết d- Từ “Thiện nam tử, như tử...” trở xuống là nêu ra nơi này tương tự với trăm ức. Xưa nay không hai là bởi vì xứng với một Tánh, không phải là trú vào một nơi bởi vì Thể rộng khắp mọi nơi, không phải là trú vào nhiều nơi bởi vì không giống như Sự. Lại câu trước là không làm hồng nhiều, câu sau là không làm hồng một. Lại câu trước là Lý giống như Sự, câu sau là Sự giống như Lý. Lại một cùng với nhiều ngay trong nhau-hòa vào nhau. Đây đều là nghĩa cả Huyền Trí trong phần giải thích.

Còn lại tiết hai-tiết ba-tiết bốn, vẫn đều có thể biết.

Mục 3- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là phân rõ nguồn gốc của pháp, có hai: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục b: Là giải đáp có sáu tiết:

Tiết một- Luân Vương từ thời lâu xa, nói không phải sự nhận biết của Bồ-tát ở thân đời sau, là hiển bày chỉ riêng Phật nhận biết, không những lâu xa mà cũng hiển bày về thời gian không có tướng của thời gian, phù hợp với Trí của Phật.

Tiết hai- Từ “Bỉ Vương thànhh...” trở xuống là có Phật thì ma xuất hiện.

Tiết ba- Thánh Đế giúp đỡ làm cho hàng phục, biểu thị Trí Vương giúp đỡ cho Thế mà Bốn giác hiện bày. Đây là lúc đã đạt được thần thông của Bồ-tát, trình bày nay bắt đầu thành tựu, không phải là thật sự bắt đầu.

Tiết bốn- Thần đạo tràng phát khởi Nguyên Trí, nhờ vào Từ mà phát khởi, Thần sinh ra ý tưởng về con.

Tiết năm- Kết hợp với xưa và nay.

Tiết sáu- Làm mẹ rộng khắp mọi nơi, trước đây làm mẹ của lúc sinh ra, tức là Nguyên Mẫu; ở đây trình bày làm mẹ của lúc thành đạo, tức là Trí Mẫu. Trong rốn phát ra ánh sáng, là biểu thị cho sinh ra và nuôi lớn cùng chung khí chất, bởi vì Phật-Phật đều từ Lý không hai mà sinh ra.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, vẫn có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ giã, vẫn hiển bày có thể biết.

Phần thứ hai: Từ “Toại vãng Thiên cung...” trở xuống có mười vị Thiện hữu, riêng biệt trình bày về duyên hội tụ. Nhưng đức của phần vị đã đến cuối cùng, nhờ vào dấu tích phàm phu mà lưu chuyển, Bi sâu xa tiếp nhận chúng sinh, không nêu lên những điều thần dị, chỉ dùng pháp làm lợi ích cho người. Lại hiển bày về Đạo sâu xa của người mong cầu, hoặc là chỉ nêu ra tên gọi của pháp môn, thì hiểu được Tôn chỉ cao xa.

Đoạn một: Thiên Chủ Quang, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Niệm Lực.

Nói là Thiên Chủ Quang, nghĩa là Dụng thù thắng của Bi-Trí, ánh sáng thanh tịnh tự tại, vốn là nghĩa về phá trừ bóng tối.

Cha tên gọi Chánh Niệm, đây là do Định mà phát khởi, cho nên pháp môn gọi là Vô Ngại Thanh Tịnh Niệm.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu.

Mục hai- Từ “Kiến bỉ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi,

Mục ba- Từ “Thiên nữ đáp...” trở xuống là chỉ ra pháp môn của

mình, trong đó có hai:

Mục 1- Nêu lên tên gọi, nghĩa là dùng Trí trong một niệm vô ngại, quán sát tất cả ba đời, không có gì không hiện bày rõ ràng, mà không có quá khứ-hiện tại-vị lai là niệm vô ngại, không xen tạp với niệm khác là niệm thanh tịnh, niệm về công đức của Phật có thêm Bi-Trí, cho nên gọi là Trang nghiêm.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, trong đó có ba: a- Nghĩ đến một kiếp đầu tiên; b- Từ “Hựu ước...” trở xuống là nghĩ đến các kiếp trung gian; c- Từ “Thiện nam tử, như thị ước...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều kiếp, không những nhớ nghĩ, mà cũng nghe và duy trì pháp môn này từ nhiều vị Phật trong nhiều kiếp ấy.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, vẫn có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, vẫn hiển bày có thể biết.

Các vị Thiện hữu tiếp sau, vẫn trong sáu mục có nhiều vị không đầy đủ, đều có thể dựa theo suy nghĩ.

Đoạn hai: Đồng tử Sư Biển Hữu, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Sư Phạm.

Thiện tri thức nói là vị Thầy trẻ thơ (Đồng môn sư), bởi vì làm Thiện hữu cho chúng sinh khắp nơi.

Ở kinh thành Ca-tỳ-la Hoàng Sắc, là Trung đạo làm phép tắc của chúng sinh.

Không đạt được pháp, tóm lược có bốn nghĩa: 1- Cùng với pháp môn của Chúng Nghệ vốn giống nhau; 2- Pháp có nơi gởi gắm vốn là hiển bày về lưu thông; 3- Biểu thị cho Thể của tất cả pháp môn vốn là không hai; 4- Biểu thị cho không có gì đạt được mới là đạt được.

Đoạn ba: Đồng tử Thiện Tri Chúng Nghệ, Thiện tri thức nương vào Huyền Trí Tự Mẫu.

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi;

Trong mục ba- Từ “Thời bỉ Đồng tử...” trở xuống là trao cho pháp môn của mình, có hai: 1- Nêu lên tên gọi và Thể, nghĩa là dùng Trí vô ngại mà hiểu biết tận cùng về những kỹ nghệ của thế gian; 2- Từ “Ngã đạt...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn.

Tự mẫu là căn bản về viết chép-giảng nói thù thắng của Chúng Nghệ, cho nên chỉ trình bày về điều đó, có nêu lên-đưa ra và kết luận.

Đưa ra có bốn mươi hai môn, đều nói Bát-nhã Ba-la-mật môn, là từ chữ mà tiến vào Trí vô tướng, bởi vì nghĩa của chữ là Môn.

Trong kinh Tỳ Lô Giá Na đều nói là không thể đạt được, bởi vì Trí không có gì đạt được tức là Bát-nhã.

Lại kinh Văn Thù Ngũ Tự nói: “Thọ trì Đà-la-ni này, thì tiến vào tất cả các pháp bình đẳng, có thể nhanh chóng thành tựu Ma-ha Bát-nhã, vừa tụng một biến giống như thọ trì tất cả tám vạn bốn ngàn Tạng Tu-đa-la.”

Nhưng năm chữ đầu, nếu dựa theo Tam tạng A-mục-khư, thì toàn bộ là Chân ngôn của Văn Thù; nếu dựa theo bản kinh này, thì một chữ thứ hai không giống nhau.

Nay dựa theo kinh ấy giải thích:

1- Chữ A 阿, là nghĩa về Vô sinh, bởi vì Lý của Vô sinh bao gồm tất cả vạn pháp. Kinh nói: “Cảnh không có sai biệt mà Bồ-tát đạt được pháp Vô sinh này, thì có thể thông hiểu các pháp Không, đoạn trừ tất cả chướng ngại, cho nên nói là Uy Lực.”

2- Chữ Đa 多, trong kinh ấy chữ thứ hai là chữ La, là nghĩa về thanh tịnh không có tạp nhiễm lìa xa trần cấu. Nay nói chữ Đa, kinh Tỳ Lô Giá Na giải thích: Đa nói là Như Như giải thoát. Kim Cang Đảnh nói là Như Như vốn không thể đạt được, nghĩa là Như tức là vô biên sai biệt, cho nên Như không thể đạt được. Đây là thuận theo nghĩa của chữ Đa, có lẽ là sai lầm của người dịch, bởi vì hai chữ La-Đa thì hình dạng của chữ gần giống nhau, mà âm thanh lạt dẹt với nhau. Nếu giải thích thuận theo nghĩa không có trần cấu, thì dùng môn Vô biên, mới làm thanh tịnh trần cấu.

3- Chữ Ba 波, kinh Ngũ Tự nói: “Các pháp bình đẳng, cũng không có Đệ nhất nghĩa đế.” Nghĩa là Chân-Tục cùng mất là pháp giới chân thật, các pháp đều bình đẳng tức là soi chiếu rộng khắp.

4- Chữ Giả 者, là các pháp không có các hành, nghĩa là các hành đã trống rỗng, cho nên tất cả sai biệt đều phá bỏ.

5- Chữ Na 那, là các pháp không có tánh-tướng, ngôn thuyết-văn tự đều không thể đạt được, nghĩa là tánh-tướng đều mất cho nên không có gì nương tựa, chủ động-thụ động giải thích không còn, thì gọi là Vô thượng.

Lại nói: “Bởi vì chữ Na không có tánh-tướng, cho nên chữ Giả không có các hành. Chữ Giả không có các hành, cho nên chữ Bả không có Đệ nhất nghĩa. Chữ Bả không có Đệ nhất nghĩa, cho nên chữ La không có nghĩa của trần cấu. Bởi vì chữ La không có nghĩa của trần

cấu, cho nên pháp của chữ A vốn không sinh. Bởi vì pháp của chữ A vốn không sinh, cho nên chữ Na không có tánh-tướng. Ông biết là quan trọng, nên quán sát tâm này xưa nay thanh tịnh không có tạp nhiễm-không có đấm trước, lia xa tướng phân biệt của Ngã-Ngã sở.”

Nghĩa của chữ trong kinh Tỳ Lô Giá Na, cùng với kinh này không có khác nhau. Sau phần nhiều dựa vào kinh ấy, và bản dịch của A-mục-khư, mà âm tiếng Phạn nặng-nhẹ có khác nhau nhưng giải thích về nghĩa không có sai khác.

6- Chữ La 邏, là tổ ngộ tất cả các pháp mà lia xa thế gian, cho nên nhân duyên thuộc về chi Ái vĩnh viễn không hiện hành, lia xa thế gian cho nên không có nương tựa, Ái không hiện hành cho nên không có cấu nhiễm.

7- Chữ Tha 挖, là tổ ngộ tất cả các pháp điều phục tịch tĩnh, bởi vì Chân Như bình đẳng không có phân biệt, mới là phương tiện không thối chuyển.

8- Chữ Bà 婆, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn lia xa ràng buộc-cởi bỏ, mới tiến vào Kim cang tràng.

9- Chữ Trà 茶, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn lia xa uế tạp của nóng bức-kiêu mạn mà được mát lạnh, là nghĩa của phá bỏ tất cả.

10- Chữ Sa 沙, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn không có vướng mắc ngăn ngại, như biển hàm chứa cảnh tượng.

11- Chữ La 囉, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn đoạn dứt lộ trình của ngôn ngữ, cho nên có thể an trú khắp nơi.

12- Chữ Đá 哆, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn chân thật bất động, bất động thì phát ra ánh sáng viên mãn.

13- Chữ Dã 也, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn như thật không sinh, thì các Thừa sai biệt tích tụ đều không thể đạt được.

14- Chữ Sất Tra 瑟吒, là tổ ngộ tất cả các pháp vốn chế ngự điều phục tùy ý duy trì lẫn nhau không thể đạt được, Phổ Quang Minh tức là có thể chế ngự điều phục, tùy ý duy trì phiền não tức là đã chế ngự điều phục, ngừng lại tức là nghĩa của điều phục.

15- Chữ Ca 迦, là tổ ngộ đối với các nghiệp dụng (Tác giả) không thể đạt được, thì nghiệp làm ra như mây, đều không có sai biệt.

16- Chữ Sa Thượng 娑上, tức là tánh luôn luôn bình đẳng.

17- Chữ Ma 麼, tức là tánh chấp của Ngã sở, Ngã mạn nổi cao lên giống như những đỉnh núi đứng sừng sững, Ngã mạn là sông dài sinh tử chảy xiết, cuộn trào tung tóe.

18- Chữ Già 伽, tức là tánh thuộc về Hành thủ của tất cả các

pháp.

19- Chữ Tha 他, tức là tánh thuộc về xứ sở.

20- Chữ Xã 社, tức là tánh thuộc về chủ động sinh khởi-thụ động sinh khởi.

21- Chữ Tỏa 鎖, tức là tánh thuộc về an ổn.

22- Chữ Tha 挖, tức là tánh có thể duy trì thế giới.

23- Chữ Xa 奢, tức là tánh thuộc về tịch tĩnh.

24- Chữ Khư 佉, tức là tánh như hư không.

25- Chữ Xoa 叉, tức là tánh thuộc về tận cùng.

26- Chữ Sa Đa 娑多, tức là tánh thuộc về tùy ý duy trì nơi chốn-không phải nơi chốn (Xứ-Phi xứ) khiến cho không lay động, phiền não chướng là không phải nơi chốn, ánh sáng thanh tịnh làm cho thông suốt là nơi chốn.

27- Chữ Hoại 壞, tức là tánh thuộc về chủ động nhận biết-thụ động nhận biết.

28- Chữ Hại La Đa 曷囉多, tức là tánh thuộc về chấp trước vào Nghĩa, chấp trước là cảnh của sinh tử, Nghĩa tức là vòng tròn của Trí tuệ,

29- Chữ Bà 婆, tức là tánh có thể phá hoại; chữ Viên Mãn, Bất Không dịch là Đạo Tràng. Nhưng chữ Bà này có lẽ là Bồ-Nga phiên (chú âm là Bạ), mà các bản phần nhiều nói là Bồ-Ngã, thì không khác với chữ thứ 8.

30- Chữ Xa 車, tức là tánh thuộc về dục lạc che lấp.

31- Chữ Sa Ma 娑麼, tức là tánh có thể ghi nhớ-nghĩ đến.

32- Chữ Ha Bà 訶婆, tức là tánh có thể kêu gọi-mời đến, không có duyên mà mời đến khiến cho có duyên.

33- Chữ Sai 娑, tức là tánh thuộc về dững cảm mạnh mẽ.

34- Chữ Già 伽, tức là tánh thuộc về tôn trọng bình đẳng.

35- Chữ Tra 吒, tức là tánh thuộc về tích tập.

36- Chữ Nã 拏, tức là đi-đứng-ngồi-nằm lìa xa những sự tranh cãi ồn ào, không có đi-không có đến, nghĩa là bởi vì luôn luôn quán sát vòng tròn của chữ(Tự luân).

37- Chữ Sa Phả 娑頗, tức là quả báo đầy đủ tất cả.

38- Chữ Sa Ca 娑迦, tức là tánh thuộc về tích tụ chứa đựng.

39- Chữ Dã Sa 也娑, tức là tướng của tánh thuộc về suy sụp già yếu.

40- Chữ Thất Giả 室者, tức là tụ tập dấu chân, nói tụ tập tức là tất cả chúng sinh, tiếng sấm giáo pháp tức là dấu chân.

41- Chữ Sá 𡗗, tức là tánh thuộc về ép buộc lẫn nhau, nghĩa là nói rõ về Vô ngã, tức là ép buộc.

42- Chữ Đà 陀, tức là nơi chốn cuối cùng, đó gọi là nơi chốn cuối cùng này hàm chứa cất giữ tất cả pháp luân. Nhưng cách dịch mới chính là chữ Trà, Khử thanh kéo dài.

Trên đây từ chữ Sa Thượng trở đi, đều ở trước có câu “tổ ngộ tất cả các pháp”, ở sau có câu “không thể đạt được”, nay đều lược bớt. Nếu đầy đủ thì đều như chữ Sắt Tra mà thôi, trong đó những chữ khó đã giải thích, còn lại theo Kinh chú giải để so sánh với nhau, vẫn đều có thể biết. Lại có so sánh kết hợp và nghi thức tu tập quán sát mà đạt được công đức, đều đầy đủ ở chương riêng biệt.

Kết luận nói rằng: Bốn mươi hai môn, nghĩa là vốn biểu thị cho bốn mươi hai phần vị. Vì vậy trong Trí Luận nói các phần vị viên dung, trình bày chữ A đầu tiên có đủ các chữ sau.

Trong mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến: Mở rộng Thắng tiến tức là dựa vào Chúng Nghiê đã nhận biết về điều đó, nương vào Thắng tiến mà suy ra không rời bỏ thế tục, đều không trái ngược với Thật tướng, kết hợp cùng với môn Bát-nhã.

Trong mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Kinh thành tên gọi Bà-đát-na, Trung Hoa nói là Tăng Ích, bởi vì Tam-muội Vô tận có thể sinh ra.

Thiện hữu tên gọi Hiền Thắng, Hiền giống như thẳng thắn tốt lành, Đạo tràng Vô y vốn là bậc nhất của thẳng thắn tốt lành.

Đoạn bốn: Ưu-bà-di Hiền Thắng, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Vô Y.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Trong mục ba- Từ “Hiền Thắng đáp...” trở xuống là trao cho pháp môn của mình, có hai: 1- Đạt được giải thoát; 2- Đạt được Tam-muội.

Mục 1- Đạt được giải thoát, thẳng thắn dựa vào văn kinh, trong ngoài không hề nương tựa tức là Đạo tràng. Hiền Thủ nói: “Tiếng Phạn gọi là Na A-lại-da Mạn trà la. Na, Trung Hoa nói là không có, không thể; A-lại-da, nói là nơi nương tựa, dựa vào; Mạn-trà-la, nói là Đạo tràng, nơi tròn vẹn. Nghĩa là không có nơi nương tựa thuộc phần tạp nhiễm của A-lại-da, mà có nơi tròn vẹn thuộc phần thanh tịnh, sinh ra công đức thù thắng không thể cùng tận, tức là Chuyển y đến cuối cùng mà hiển bày về đức vô tận. Hai câu sau tức là Dụng của Tự lợi-Lợi tha.”

Mục 2- Đạt được Tam-muội: a- Nêu lên tên gọi; b- Từ “Phi bỉ...” trở xuống là Dụng, tức là giải thích tên gọi.

Trong mục b có hai tiết: Một- Chọn ra xen tạp; Hai- Từ “Dĩ năng...” trở xuống là hiển bày về thích hợp, nghĩa là Thể thì cùng vượt lên trên Tận và Vô tận, chỉ từ Dụng sinh ra cho nên nói là Vô tận mà thôi. Vậy thì hai môn tác thành lẫn nhau, không hề dựa vào Đạo tràng tức là Như Lai Tạng trống rỗng, Tam-muội Vô tận tức là Như Lai Tạng không trống rỗng. Nếu như tâm không nương tựa phù hợp với trống rỗng ban đầu, thì mới nhìn thấy không trống rỗng, đầy đủ tánh công đức, cho nên nói là sinh ra. Tánh của Trí thuộc về Nhân... không còn hư vọng, mà hiển bày rõ ràng cho nên gọi là sinh ra. Sinh ra không phải là không có ban đầu, hãy còn xứng với tánh của Trí.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Kinh thành tên gọi Ốc Điền, là vùng Nam Thiên Trúc gần nước tươi thắm mà tốt tươi, hiển bày về nước Định không có ý niệm mà có thể sinh trưởng.

Trưởng giả tên gọi Kiên Cố Giải thoát, là thanh tịnh không có đắm nhiễm, phiền não không thể nào phá hoại, tức là giải thoát.

Đoạn năm: Trưởng giả Kiên Cố, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Vô Trước.

Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Trong mục ba- Chỉ ra pháp môn, có hai:

Mục 1- Hiển bày về tên gọi: Vô trước là dựa theo cảnh, bởi vì lìa xa pháp đã nhận biết. Vô niệm là dựa theo tâm, Thể của tâm lìa xa ý niệm cho nên không có phiền não. Sở tri chướng và Phiền não chướng vĩnh viễn không còn thì gọi là thanh tịnh, thanh tịnh thì có thể trang nghiêm Pháp thân.

Mục 2- Từ “Ngã tự đắc...” trở xuống là làm sáng tỏ về Dụng, hai chướng đã không sinh khởi thì không có Ái-Kiến, cho nên không có mong cầu, mà mong cầu giáo pháp không hề thỏa mãn-không hề dừng nghỉ.

Đoạn sáu: Trưởng giả Diệu Nguyệt, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Trí Quang.

Chân Trí không còn hư vọng, gọi là Trí thanh tịnh. Hậu Trí soi chiếu pháp, gọi là ánh sáng của Trí. Có thể thanh tịnh, có thể sáng ngời, như vầng trăng tròn giữa bầu trời mùa Thu, cho nên gọi là Diệu

Nguyệt.

Đoạn bảy: Trưởng giả Vô Thắng Quân, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Vô Tận Tướng.

Tên gọi của pháp môn, tức là đức tướng đã thành tựu vốn không có cùng tận.

Từ “Ngã dĩ chứng...” trở xuống là lấy Dụng để giải thích tên gọi: Đạt được Vô Tận Tạng, nghĩa là nghe các pháp vi diệu. Lại các cảnh của tâm không có gì không phải Phật Pháp, hoặc là Phật hay là Pháp đều không có tận cùng. Đã được thấy Phật-đạt được Pháp vô tận, các đức đã tích tụ không có gì có thể hơn được. Thuận theo dụ như Quân, bởi vì cũng có thể hơn hẳn tất cả các quân ma, đều từ Thể sinh ra, cho nên kinh thành tên gọi là Xuất Sinh.

Đoạn tám: Bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Thành Nguyên Ngữ.

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Trong mục ba- Trao cho pháp môn, có hai:

Mục 1- Nêu lên tên gọi, có hai nghĩa: a- Bởi vì trước sau không có hư vọng, như lập lời thề rộng lớn từ lúc mới phát tâm, nhất định phải như lời nói mà thực hành không trái với lời thề trước đây. b- Bởi vì thuận theo thực hành không hư rộng, như Tiên nhân Nhẫn Nhục nói tôi không tức giận khiến cho thân thể trở lại như cũ.

Mục 2- Từ “Quá khứ...” trở xuống là lấy Dụng để giải thích tên gọi, tức là như thứ tự giải thích về hai nghĩa trước đây. Không còn lời nói hư dối, cho nên nói là Tịch tĩnh. Tịch tĩnh tức là Hạnh thanh tịnh. Lời nói đi đôi với việc làm là then chốt của quân tử, nếu như có thể thành thật, vậy thì thích hợp với pháp, cho nên kinh thành có tên gọi là Pháp.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Kinh thành tên gọi Diệu Ý Hoa Môn, Diệu Ý Hoa tức là loài hoa Tô-mãn-na, bởi vì bên cạnh cổng thành ấy có loại hoa này, cũng là tiếp nhận lời dạy của vị ấy ở tại Nam Thiên, mà có được hoa của nhân thù thắng là Diệu Ý về mong cầu Thiện hữu. Đồng tử biểu thị cho Trí thanh tịnh, Trí là do vạn đức sinh ra. Đồng nữ biểu thị cho Bi thanh tịnh, Bi là nguồn gốc của các đức. Bởi vì Bi-Trí dẫn dắt lẫn nhau, cho nên hai người cùng một Hội. Cuối cùng của duyên hội tụ vốn đầy đủ ở hai người này, bởi vì nối tiếp phần vị Phật cho nên mong được gặp Từ Thị.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 77 trong kinh).

Đoạn chín: Đồng tử Đức Sinh và Đồng nữ Hữu Đức, Thiện hữu nương vào Huyền Trí Quy Huyền Môn.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến Đức Sinh...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, vẫn có thể biết.

Mục ba- Từ “Thời Đồng tử...” trở xuống là chỉ ra pháp môn của mình, trong đó có hai: 1- Nêu lên tên gọi; 2- Nghiệp dụng.

Mục 1- Nêu lên tên gọi, nghĩa là pháp nhiệm-tịnh, cảnh-trí, chủ động-thụ động, đều từ duyên khởi mà không có tánh nhất định, như huyền ảo mà tồn tại.

Trong mục 2- Từ “Đắc thủ giải thoát...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, có hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Kết luận ca ngợi.

Mục a- Riêng biệt trình bày, có mười loại Huyền, đều là câu trước nêu lên Huyền, câu sau dùng duyên sinh để giải thích về thành tựu.

Trong mười loại: Một loại đầu là tổng quát, bởi vì duyên sinh của thế giới bao gồm nhiệm-tịnh, cho nên vô lượng quốc độ cũng gọi là thế giới; chín loại còn lại là riêng biệt.

Năm loại đầu dựa theo Y tha thuộc phần tạp nhiễm, bởi vì duyên sinh như huyền:

Một- Dựa theo quả khổ của hữu tình, Tập sinh ra từ nghiệp-phiền não.

Hai- Dựa theo mười hai nhân duyên, quán sát thuận theo tức là thế gian, thứ tự dựa vào nhau, cho nên nói là lần lượt chuyển tiếp.

Ba- Ngay trong năm loại pháp, chỉ trừ ra Vô vi, cho nên nói là tất cả. Bởi vì Vô vi không có khởi lên, cho nên không phải là duyên sinh huyền. Thức dị thực... từ vô thỉ quen theo pháp ác, bên trong chấp làm Ngã, tương ứng với bốn phiền não, cho nên nói là Ngã kiến..., và bên ngoài giữ lấy cảnh hư vọng, nói là đủ loại duyên huyền, cho nên cảm đến tâm... thấy đều như huyền.

Hai câu bốn-năm riêng biệt trình bày về Bất tương ứng hành: Câu bốn tức là thời gian, nghĩa là dựa vào phần vị của hành nối tiếp nhau không gián đoạn, kiến lập làm thời gian. Chỗ dựa của hành trống rỗng, thời gian do đâu mà thiết lập, vọng chấp có Thể là Trí điên đảo. Câu năm tức là Vô thường-Sinh-Lão..., nghĩa là dựa vào phần vị sinh đã hoại diệt, kiến lập Vô thường... đều vọng phân biệt là có.

Một loại tiếp là tất cả quốc độ, nghĩa bao gồm chúng sinh tạp nhiễm-thanh tịnh. Quốc độ tạp nhiễm phần nhiều từ ba điên đảo mà sinh ra, bởi vì không hiểu rõ chỉ do tâm mà vọng giữ lấy cảnh giới.

Trước đây nói: Tất cả quốc độ chỉ do Tướng mà duy trì, đã có vọng tướng cho nên tâm nhìn thấy đều điên đảo. Nói do Vô minh mà hiện ra, cũng bao gồm quốc độ thanh tịnh, nghĩa là từ Đấng Địa trở lên, do Vô minh chưa hết mà nhìn thấy quốc độ đủ loại không giống nhau, đã nói là Vô minh thì chọn ra không phải quốc độ của Phật.

Ba loại sau chỉ dựa theo Y tha thuộc phần thanh tịnh, thuận theo duyên như huyễn, có thể dùng ý hiểu được.

Mục b- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết luận ca ngợi.

Nói về Tự tánh không thể nghĩ bàn, pháp huyễn không phải là có bởi vì Thể không thật, không phải là không có bởi vì Tướng không phải là không có, không phải là một bởi vì Tánh khác nhau, không phải là khác bởi vì Thể không hai, Không-Hữu ngay trong nhau, Nhất-Dị đều không còn, đã lìa xa hai bên cũng quên mất Trung đạo. Vì vậy đan xen lẫn nhau, có thể trong một hiện ra nhiều, nhiều đều ngay nơi một, trùng trùng vô ngại là không thể nghĩ bàn, cho nên mở rộng về Thắng tiến nói rằng: Khéo léo tiến vào mạng lưới huyễn của các sự việc vô biên.

Mục bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã đẳng...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Mục năm- Từ “Thời Đồng tử...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, trong đó có hai: 1- Dùng uy lực mà âm thầm gia hộ; 2- Từ “Nhi cáo...” trở xuống là dùng lời nói để biểu hiện rõ ràng.

Trong mục 2 có ba: a- Chỉ ra nơi chốn; b- Nêu ra con người; c- Chỉ dạy thưa hỏi.

Mục a- Chỉ ra nơi chốn: Đất nước tên gọi Hải Ngạn, là ở bờ Bắc của Nam Hải, bởi vì Bồ-tát Nhất sinh đứng trước biển Trí.

Khu vườn tên gọi Đại Trang Nghiêm, là nhân tròn vẹn vạn hạnh mà trang nghiêm cho quả. Lại là khu vườn sinh tử, dùng rừng cây vạn hạnh mà trang nghiêm cho quả của mình.

Lầu đài rộng lớn...: Dựa theo Sự thì trong ấy rộng lớn giống như hư không, có nhiều ánh sáng có thể soi chiếu khắp nơi, do vô lượng những vật báu mà làm cho trang nghiêm, chứa đựng nhiều lầu đài, bao gồm nhiều sự việc. Dựa theo Pháp thì hai Trí dựa vào nhau, duyên khởi thuận theo nhau, cho nên nói là lầu đài. Trí tức là pháp giới, là bởi vì rộng lớn. Tên gọi Tỳ-lô... là thuận theo thành tựu về nghĩa trước đây, bởi vì ánh sáng của hai Trí soi chiếu tất cả Sự-Lý. Trí có thể bao hàm vạn đức, tức là Tạng trang nghiêm, bởi vì vạn hạnh của Hoa Nghiêm không lìa xa Tạng này. Trên đây là dựa theo quả.

Từ “Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra nhân: Quả báo của thiện căn

dựa theo nhân quá khứ, vốn là quả báo của thiện căn ấy. Niệm lực-
Nguyện lực... là dựa theo duyên hiện tại.

Từ “Trú bất tư nghi...” trở xuống là hiện tại dựa vào những việc làm.

Mục b- Từ “Di-lặc Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra con người, có hai tiết: Một- Chính thức chỉ ra; Hai- Từ “Vi dục...” trở xuống là hiển bày về nhân của trú.

Di-lặc, âm tiếng Phạn nói đầy đủ là Mê-đế-lệ, Trung Hoa nói là Từ, là họ của vị ấy. Nhưng có ba duyên: 1- Nhờ vào Bốn nguyện, bởi vì quá khứ được gặp Đức Như Lai Đại Từ, nhân đó lập Đại nguyện, nguyện đạt được danh hiệu ấy. 2- Bởi vì đạt được Tam-muội Từ Tâm này. 3- Bởi vì lúc mẹ mang thai vốn có tâm Từ. Như Mãn-tử-tử gọi là A-dật-đa, Trung Hoa nói là Vô Thắng, bởi vì sinh ra đầy đủ tướng tốt, đức thù thắng không có ai hơn được. Nay dùng họ mà gọi, chỉ nói là Từ Thị. Từ dựa vào Trí mà trú, cho nên nói là Trung đạo (Xử trung). Bi-Trí cùng vận dụng đều vì lợi ích cho chúng sinh, cho nên nói là vì mong muốn...

Trong mục c- Từ “Nhữ nghệ bỉ...” trở xuống là chỉ dạy thưa hỏi, có ba tiết:

Tiết một- Chính thức chỉ dạy nêu lên mười câu hỏi, là biểu thị cho Vô tận.

Tiết hai- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên do mở rộng thưa hỏi: 1- Đưa ra; 2- Giải thích.

Tiết 1- Ý đưa ra nói rằng: Vì sao cần phải mở rộng thưa hỏi?

Tiết 2- Giải thích có hai ý: a- Đã mong cầu là đức rộng lớn, cho nên có thể trình bày đầy đủ; b- Có thể mong cầu là tâm rộng lớn, cho nên pháp thuận theo như vậy.

Trong tiết a- Đã mong cầu là đức rộng lớn, có hai chi tiết: Một- Tổng quát hiển bày về đức tròn vẹn-phần vị đầy đủ của Di-lặc; Hai- Từ “Thiện nam tử, bỉ Thiện tri thức...” trở xuống là riêng biệt hiển bày vị ấy chính là Thiện hữu chân thật, bởi vì giả sử đức đầy đủ mà không phải là mình có duyên thì cũng khó mong cầu.

Tiết b- Trình bày về có thể mong cầu là tâm rộng lớn, cho nên pháp thuận theo như vậy, tức là mở rộng nhắc nhở khuyến khích, trong đó có hai chi tiết: Một- Nhắc nhở khuyến khích mong cầu giáo pháp; Hai- Nhắc nhở khuyến khích phụng sự Thiện hữu.

Trong chi tiết một- Nhắc nhở khuyến khích mong cầu giáo pháp, có hai:

Chi tiết 1- Nêu lên điều không nên làm, nhắc nhở loại trừ về pháp

yếu kém.

Chi tiết 2- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về những điều nên làm, khiến cho mở rộng tu tập, trong đó có hai: a- Đưa ra; b- Giải thích.

Trong chi tiết b là giải thích cũng có hai chi tiết nhỏ: Một: Riêng biệt trình bày về pháp nên tu tập; Hai: Từ “Thiện nam tử, cử yếu...” trở xuống là kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng.

Một: Riêng biệt trình bày về pháp nên tu tập, có chín tám môn phân làm mười:

1: Hạnh hưởng lên trên mong cầu Bồ-đề.

2: Từ “Ứng hóa...” trở xuống là Hạnh hưởng xuống dưới cứu giúp chúng sinh.

3: Từ “Ứng đoạn...” trở xuống là Hạnh tự mình đoạn trừ phiền não chướng.

4: Từ “Ứng linh vô lượng chúng sinh...” trở xuống là Hạnh khuyến khích chúng sinh xuất ly.

5: Từ “Ứng tiêu diệt...” trở xuống là Hạnh làm thanh tịnh Căn-Dục của mình, bởi vì loại trừ ba căn bất thiện, thì thành tựu ba thiện căn...

6: Từ “Ứng sinh tịnh tín...” trở xuống là Hạnh thuộc về Lực-Dụng tự tại.

7: Từ “Ứng phân biệt...” trở xuống là Hạnh thâm nhiếp về pháp đối trị phiền não.

8: Từ “Ứng nghiêm biện...” trở xuống là Hạnh cúng dường Phật để thâm nhiếp chúng sinh.

9: Từ “Ứng tu tổng trì...” trở xuống là Hạnh thuộc về Bi nguyện sâu rộng.

10: Từ “Ứng nhập sai biệt tâm...” trở xuống là Hạnh chứng thực tiến vào viên mãn.

Hai: Kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng, nghĩa là riêng biệt trình bày khó mà đầy đủ.

Trong chi tiết hai- Từ “Thiện nam tử, nhữ câu...” trở xuống là nhắc nhở khuyến khích phụng sự Thiện hữu, có ba: 1- Nhắc nhở; 2- Khuyến khích; 3- Cùng kết luận về hai môn.

Chi tiết 1- Nhắc nhở, có hai: a- Chính thức nhắc nhở là xa lỗi lầm; b- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là nêu ra lợi ích giải thích về thành tựu.

Chi tiết a- Chính thức nhắc nhở là xa lỗi lầm: Nói nhìn thấy người thực hành tùy theo phiền não thì đừng hiềm nghi trách móc, bởi vì Thiện hữu có hai loại: 1- Thật; 2- Quyền.

Quyền có thể thực hành không thích hợp với đạo, bởi vì phương tiện trong-ngoài, mới phát sinh-thuần thực khéo léo khó nhận biết, vì vậy không nên hiềm nghi.

Trong Thật lại có hai: a- Hạnh; b- Giải. Nay chỉ mong cầu về Giải, không nên quán sát về Hạnh. Như Trí Luận quyển thứ 50 trình bày: “Cũng như người bị què mà có mắt thì vẫn có thể chỉ rõ đường đi.

Trong chi tiết b- Nêu ra lợi ích giải thích về thành tựu, có hai chi tiết nhỏ: Một: Trình bày về Thiện hữu có thể thị hiện thực hành; hai: Trình bày về Thiện hữu có thể làm người bảo vệ bên ngoài.

Một: Trình bày về Thiện hữu có thể thị hiện thực hành. Trước là đưa ra ý nói: Chỉ khởi tâm rộng lớn thì đủ để thành tựu Đại đạo, vì sao cần phải khiến cho phụng sự Thiện hữu, nhắc nhở lia xa lỗi lầm? Sau là giải thích rằng: Pháp nhờ vào con người làm cho lớn mạnh, không nhờ vào Thiện hữu thì sao có thể nghe đến các Diệu hạnh? Trong đó có ba mươi lăm câu, mỗi câu đều là một Hạnh.

Hai: Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát do Thiện tri thức...” trở xuống là trình bày về Thiện hữu có thể làm người bảo vệ bên ngoài, trước là có thể sinh ra, ở đây là có thể nuôi dưỡng.

Trong đó có hai: 1: Chính thức trình bày có thể làm người đầu nhiếp bảo vệ. 2: Từ “Hà dĩ...” trở xuống là nêu ra nhân giải thích về thành tựu: Trước là đưa ra ý nói: Thiện ác do mình, Thiện hữu sao có thể khiến cho mình không rơi vào nẻo ác? Sau là ý giải thích rằng: Nhờ vào Thiện hữu khiến cho lia xa nhân ác, nhân không còn thì quả mất đi, lẽ nào không phải là năng lực của Thiện hữu hay sao?

Dùng bốn mươi câu này, giải thích về mười lăm câu chính thức trình bày trước đây, có tổng quát-có riêng biệt. Tổng quát thì nhân của các pháp ác sau này, bao gồm đối với quả trước đây. Riêng biệt thì tất cả đều có phối hợp, như do trừ diệt các chương nạn mà không lui sụt Đại thừa, do ngăn chặn các pháp ác mà Giới thanh tịnh không vi phạm, do phá trừ Vô minh mà không đi theo bạn ác. Những câu sau, hoặc là có hai-ba đối với một câu trước, có thể dùng ý hiểu được, sợ rằng vẫn nhiều cho nên không phối hợp.

